

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 48/2019/DS-ST

Ngày: 13/9/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M TỈNH L**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Ngọc Bột

2. Ông Trần Khánh Hội

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Ngày 13/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2019/TLST-DS ngày 20/5/2019 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54a/2019/QĐST-DS ngày 09/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47a/2019/QĐST-DS ngày 27/8/2019 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh L

Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1978;

Bà Dương Thị G, sinh năm 1977;

Bà Phạm Thùy T, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện M, tỉnh L.

(Nguyên đơn ông L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông H, bà G, bà T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/03/2019 nguyên đơn ông L trình bày: Vào ngày 05/10/2018, vợ chồng ông Phạm Văn H và bà Dương Thị G có ký hợp đồng đóng tàu tại cơ sở đóng tàu của gia đình ông L với số tiền 282.000.000đ, ông H đã đưa trước số tiền 239.000.000đ và còn nợ lại số tiền 43.000.000đ, hẹn đến ngày 05/11/2018 sẽ trả hết số tiền trên cho ông L. Ông H, bà G đã nhận tàu xong. Tuy nhiên, đến ngày thanh toán số tiền còn lại thì vợ chồng ông H tiếp tục hẹn đến ngày 20/11/2018 sẽ trả nhưng đến nay vẫn không trả và cả 02 lần hẹn trả nợ điều có bà Phạm Thùy T là con của ông H, bà G cam kết cùng trả nợ cho ông L. Nay ông L yêu cầu ông Phạm Văn H, bà Dương Thị G và bà Phạm Thùy T liên đới trả số tiền 43.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Phạm Văn H, bà Dương Thị G và bà Phạm Thùy T vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày; Do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, ông H, bà G và bà T vắng mặt không có lý do.

Về tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Đơn xác nhận nơi cư trú, giấy nhận nợ ngày 05/10/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Phạm Văn H, bà Dương Thị G và bà Phạm Thùy T liên đới trả số tiền 43.000.000đ theo như biên nhận ngày 05/10/2018 mà ông L cung cấp nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Phạm Văn H, bà Dương Thị G và bà Phạm Thùy T đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập và tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H, bà G và bà T vắng mặt không có lý do; Do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, ông H, bà G và bà T vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông L là yêu cầu ông Phạm Văn H, bà Dương Thị G và bà Phạm Thùy T liên đới trả số tiền 43.000.000đ, không yêu cầu tính lãi; Về chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thì ông L đã xuất trình được biên nhận nợ ngày 05/10/2018 thể hiện việc ông H, bà G có thỏa thuận đồng một chiếc tàu tại cơ sở đồng tàu của ông L và còn nợ lại số tiền 43.000.000đ, việc này có bà Phạm Thùy T cùng cam kết trả nợ với ông H, bà G và đến nay không có chứng cứ nào thể hiện ông H, bà G hay bà T đã trả số tiền nêu trên cho ông L.

[2.2] Như vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L Tòa án căn cứ vào các Điều 163, 164, 166, 440 Bộ luật Dân sự thì yêu cầu khởi kiện của ông L đối với ông H, bà G và bà T là đúng quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về án phí: Buộc ông H, bà G và bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 435, Điều 436, Điều 437 và Điều 440 Bộ Luật Dân sự;

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với ông Phạm Văn H, bà Dương Thị G và bà Phạm Thùy T về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

- Buộc ông Phạm Văn H, bà Dương Thị G và bà Phạm Thùy T phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng)

2. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Phạm Văn H, bà Dương Thị G và bà Phạm Thùy T phải chịu số tiền 2.150.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 537.500đ theo biên lai thu số 0002784 ngày 20/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

4. Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- TAND tỉnh L;
- Lưu HS.

Đã ký và đón dấu

Nguyễn Vũ Khanh